

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TÀI CHÍNH THỰC HIỆN 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**  
**DOANH NGHIỆP: CÔNG TY CPXL THÀNH AN 96**

TT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2020		Thực hiện so với kế hoạch (%)	Kế hoạch năm 2021		Tỷ lệ tăng trưởng so 2020 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		Tỷ lệ trích các quỹ năm 2021	Chỉ tiêu kế hoạch 2021	
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8	9=8/5
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	1.200.000.000	1.441.628.913	120		1.300.000.000	90
2	Tổng vốn điều lệ tại DN	1.000 đ	124.197.870	124.197.870	100		124.197.870	100
3	Tổng doanh thu	1.000 đ	1.000.000.000	1.474.554.829	147		1.106.702.000	75
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	1.000 đ	21.400.000	29.388.351	137		22.134.040	75
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	2,14	2,0	93		2,00	100
6	Thuế TNDN	1.000 đ	4.280.000	6.076.093	142		4.426.808	73
7	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	1.000 đ	17.120.000	23.312.258	136		17.707.232	76
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	1,71	1,58	92		1,60	101
<b>9</b>	<b>Chia cổ tức và trích lập các quỹ</b>							
9.1	Dự kiến chia cổ tức	1.000 đ	12.419.787	12.419.787	100		12.419.787	100
	<i>Tỷ lệ chia cổ tức</i>	%	10	10			10	
9.2	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	1.000 đ	4.700.213	10.892.471			5.287.445	
	- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	1.000 đ	2.585.117	5.990.859		(9.2)*50%	2.643.723	
	- <i>Quỹ khen thưởng BĐH</i>	1.000 đ	235.011	545.000		(9.2)*5%	264.000	
	- <i>Quỹ khen thưởng - phúc lợi</i>	1.000 đ	1.880.085	4.356.612		(9.2)*45%	2.379.722	
10	Trích khấu hao TSCĐ	1.000 đ	16.635.289	20.961.202	126		19.594.593	93
11	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đ	12.980	13.000	100		13.030	100
12	Thuế & các khoản phải nộp NS	1.000 đ	41.313.606	48.083.927	116		39.992.000	83
13	Thu hồi công nợ	1.000 đ	1.345.397.903	1.615.052.500	120		1.435.243.010	89
14	Tỷ lệ thu hồi công nợ/số phải thu	%	85	77			85	